

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KT
TỈNH KT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2024/HSST
Ngày: 11/12/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KT - TỈNH K t

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài;

Các Hội thẩm nhân: Ông Vũ Duy Tiến và A Bruk.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Toà án nhân dân thành phố KT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố KT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố KT, tỉnh KT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 143/2024/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2024 đối với:

Bị cáo **A L**, sinh ngày: 05/4/2000, tại KT; thường trú: Thôn KT Kơ Nâm, phường Th, thành phố KT, tỉnh KT; nghề nghiệp: Không; học vấn: 5/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông L, sinh năm 1971 và bà Y B, sinh năm 1972; bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 6 chị em, anh lớn nhất sinh 1995; em nhỏ nhất sinh 2012; bị cáo chưa có vợ.

Tiền án: Tại Bản án số 59/2021/HS-ST ngày 10/6/2021, TAND thành phố KT xử phạt 36 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”. Ngày 13/8/2023 chấp hành xong hình phạt tù. Chưa được xóa án tích. Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2017 và 2018, 02 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2024 đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1/ Bà Nguyễn T L, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 1, xã Diên Bình, huyện TĐt, tỉnh KT, có mặt.

2/ Anh A O, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Kon Tu, xã Đ R , thành phố KT, tỉnh KT, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong ngày 27/8 và 10/9/2024, bị cáo A L đã 02 lần thực hiện hành vi lên lút chiếm đoạt tài sản của các chủ sở hữu trên địa bàn thành phố KT:

Lần 1: Khoảng 16 giờ ngày 27/8/2024, tại nhà trọ của bà Hồ Thị Tuyết, địa chỉ: 483 Đào Duy Từ, phường Th, thành phố KT, tỉnh KT, bị cáo A L chiếm đoạt 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng của bà Nguyễn T L đang để trên bàn trong phòng trọ số 2 của nhà trọ nơi chị Lý Thuê. Sau đó bị cáo cất giấu điện thoại tại khu vực sau nhà bếp của bà Đách (Bà Đách không biết việc này) Đến ngày 28/8/2024 bị phát hiện. A L thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt điện thoại và được tại ngoại.

Lần 2: Khoảng 16 giờ, ngày 10/9/2024 tại nhà anh A O, thôn Kon Tu, xã Đ R, thành phố KT, tỉnh KT, A L chiếm đoạt xe mô tô biển số 82B1-185.45 của anh A O đang dựng trước sân nhà, ngay sau đó bị phát hiện, Công an lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Kết luận định giá tài sản, kết luận: Điện thoại di động trị giá 4.219.200 đồng; xe mô tô biển số 82B1-185.45 trị giá 1.100.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 158/CT-VKSTPKT ngày 18 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố KT truy tố bị cáo A L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về TNDS nên không đề cập.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Cơ quan CSĐT Công an thành phố KT, Điều tra viên, VKSND thành phố KT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[1] *Xét hành vi bị truy tố:* Trong ngày 27/8 và 10/9/2024, bị cáo A L đã 02 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các chủ sở hữu, mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 16 giờ ngày 27/8/2024, tại phòng số 2 nhà trọ của bà Hồ Thị Tuyết, địa chỉ: 483 Đào Duy Từ, phường Th, thành phố KT, bị cáo A L chiếm đoạt 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng của bà Nguyễn T L, trị

giá 4.219.200 đồng. Hành vi này của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Lần 2: Khoảng 16 giờ, ngày 10/9/2024 tại nhà anh A O, thôn Kon Tu, xã Đ R , thành phố KT, bị cáo A L chiếm đoạt xe mô tô biển số 82B1-185.45 của anh A O, trị giá 1.100.000 đồng. Hành vi chiếm đoạt tài sản trị giá 1.100.000 đồng này của bị cáo chưa đủ định lượng cấu thành tội phạm, nhưng trước đó bị cáo đã bị kết án về tội “*Cướp giật tài sản*” chưa được xóa án tích, là căn cứ định tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS.

Từ nhận định và căn cứ pháp luật nêu trên. Viện kiểm sát truy tố bị cáo A L là có căn cứ, đúng luật.

[2] *Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo:* Hành vi phạm tội của bị cáo A L là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an xã hội tại địa phương.

[3] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:*

- *Tình tiết tăng nặng:* Bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích lại phạm tội mới (*Đối với hành vi trộm điện thoại ngày 27/8/2024*), nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo 02 lần phạm tội, nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở L” điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- *Tình tiết giảm nhẹ:* Bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

- *Nhân thân:* Bị cáo đã nhiều lần bị kết về các tội chiếm đoạt tài sản.

[4] *Quyết định hình phạt:* Sau khi xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Cần xử phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

- *Hình phạt bổ sung:* Bị cáo không nghề nghiệp và không có tài sản, không có điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung. HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] *Các nội dung khác:*

- Cơ quan CSĐT đã trả lại điện thoại và xe mô tô cho bà Nga và A O là đúng luật.

- Bà Nga và A O không yêu cầu TNDS, nên không xem xét.

- Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo **A L** phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*”.

2. *Về hình phạt:* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo A L: **12** (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam **10/9/2024**.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo A L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/12/2024). Bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND tỉnh KT;
- VKSND thành phố KT;
- Công an thành phố KT;
- CCTHA dân sự thành phố KT;
- Bị cáo; bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hoài